

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

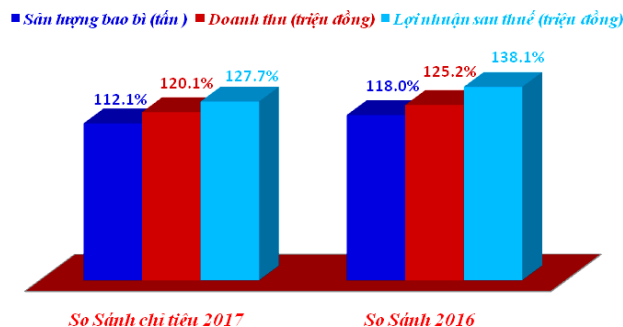
I. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

1) Phân tích tổng quan.

a) Kết quả thực hiện các chỉ tiêu chính như sau (bảng 1):

TT	Chỉ tiêu	Kế hoạch 2017	Thực hiện 2017	Thực hiện 2016	So Sánh chỉ tiêu 2017	So Sánh 2016
1	Sản lượng bao bì (tấn)	12.980	14.549	12.330	112,1%	118,0%
2	Doanh thu (triệu đồng)	591.500	710.219	567.330	120,1%	125,2%
3	Lợi nhuận sau thuế (triệu đồng)	23.000	29.362	21.261	127,7%	138,1%

Kết quả thực hiện chỉ tiêu chủ yếu của kế hoạch 2017



b) Kết quả hoạt động năm 2017 (bảng 2):

CHỈ TIÊU	Năm nay	Năm trước	Tỷ lệ %
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	735.337.164.685	702.107.381.535	104,7%
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	-	-	
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	735.337.164.685	702.107.381.535	104,7%
4. Giá vốn hàng hóa	674.064.403.180	649.997.979.594	103,7%
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	61.272.761.505	52.109.401.941	117,6%
6. Doanh thu hoạt động tài chính	12.374.446.398	11.918.495.486	103,8%
7. Chi phí tài chính	4.807.583.146	10.093.541.756	47,6%
- Trong đó : Chi phí lãi vay	5.094.860.735	3.722.034.250	136,9%
8. Chi phí bán hàng	15.889.355.102	12.577.232.022	126,4%
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	21.248.222.243	19.851.761.373	107,0%
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	31.702.047.493	21.505.362.276	147,4%
11. Thu nhập khác	5.262.094.725	4.991.097.011	105,4%
12. Chi phí khác	58.542.778	51.119.913	114,5%
13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	5.203.551.947	4.939.977.098	105,3%
14. Lợi nhuận hoặc lỗ từ Cty Liên doanh liên kết	-	-	
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	36.905.599.440	26.445.339.374	139,6%
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	7.542.883.781	5.183.837.903	145,5%
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	-	-	
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	29.362.715.659	21.261.501.471	138,1%
19. Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ	29.362.715.659	21.261.501.471	138,1%
20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông kiểm soát	-	-	
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.381	1.000	138,1%
22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	-	-	

Lợi nhuận năm 2017 Công ty đạt 29.362,7 triệu so với kế hoạch 23.000 triệu (*vượt 6.362,7 triệu đồng tương ứng tỷ lệ tăng 27,66%*), so với cùng kỳ năm trước tăng 8.101,2 triệu đồng (*tương ứng tăng 38,10%*) do những nguyên nhân như sau:

- **Sản lượng bán hàng:** đạt 14.549 tấn so với kế hoạch 12.980 tấn, tăng 1.569 tấn tương ứng tỷ lệ tăng 12,1%
- **Doanh thu bao bì:** đạt 710.219 triệu đồng so với kế hoạch tăng 118.719,4 triệu đồng tương ứng tăng 20,07%.
- **Chi phí giá vốn:** giảm, do đầu tư mới máy móc thiết bị, thanh lý máy cũ, tăng năng suất, tăng sản lượng, giảm chi phí sản xuất qua các chương trình cải tiến: cơ cấu tiền lương công nhân bám sát hiệu quả sản xuất, thường xuyên kiểm soát chi phí tiêu nguyên vật liệu, giảm các chi tiêu sản phẩm hỏng, chi phí phế liệu phế phẩm trong sản xuất; tối ưu hóa hàng tồn kho không cần thiết cho sản xuất, tiết giảm chi phí vốn và chi phí lãi vay.
- **Lợi nhuận từ các hoạt động đầu tư ngắn và dài hạn khác:** là 12 tỷ 770 triệu, do tỷ giá đồng đô la mỹ ổn định, tỷ giá đồng usd so với đồng việt nam năm 2017 so với năm 2016 giảm 50 usd (22.760 – 22.710) tương ứng giảm 0,22%, so với năm trước chỉ tiêu này chỉ đạt 6 tỷ 764 triệu đồng, tăng 88,77%

2) Những tiến bộ Công ty đạt được trong năm.

- **Về Marketing:** tiếp cận thành công và trở thành nhà cung cấp bán thành phẩm đề mềm chống lũ cho thị trường Mỹ.
- **Về Máy móc thiết bị:** cùng với đầu tư thêm một số MMTB sản xuất, áp dụng nhiều sáng kiến cải tiến MMTB mang lại nhiều kết quả rõ nét về tiết kiệm chi phí, tăng năng suất sản lượng và góp phần đảm bảo chất lượng sản phẩm.

Công đoạn	Sáng kiến cải tiến năm 2017	Hiệu quả ghi nhận
Kéo sợi	Tiếp cận, nắm bắt công nghệ mới.	Lắp đặt vận hành ổn định máy kéo sợi mới.
Dệt	Cải tiến lô nước của 10 máy dệt.	Tăng công suất, giảm đứt chỉ, mặt vải căng đều .
	Cải tạo phục hồi các máy dệt 8, 12 thoi	Hoạt động ổn định, đạt các thống số kỹ thuật.
	Làm lại ống cuốn vải aquadams.	Giảm công đoạn banh xếp, giảm chi phí SX.
	Cải tiến vòng lược máy dệt.	Giảm rung lắc, đùn thoi, dính nhốt.
	Làm nắp chụp thoi cho máy dệt 12 thoi.	Tận dụng được các ống chỉ xấu, giảm phế liệu.
In	Đề xuất lắp đặt Colona trên tất cả các máy in.	Tăng độ bám mực, cải thiện chất lượng in.
	Tách bộ điều khiển cụm motor lô mực	Giảm hư hỏng bánh răng lô mực và lô in.
Tráng	Cải tiến lô giải nhiệt máy tráng.	Tận dụng những lô đã hư, nghẹt nước.
Cắt	Làm lại dàn lên cuộn 15 máy cắt hình.	Giảm công việc lên cuộn, tăng năng suất cắt.
	Chuyển bao tráng lộn từ cắt hình sang CMTĐ.	Giảm công đoạn may.
	Lập trình lại các máy CMTĐ.	Tăng công suất 121%.
	Cải tiến cụm dao cắt nhiệt máy CMTĐ.	Giảm nhồi bao và phế, tăng công suất máy.
	Làm các dao cắt vải PP không tráng và lọc mực.	Mở miệng bao không tua, không đọng mực.
	Làm tời kéo vải Aquadams.	Giảm cường độ lao động khi căng kéo cuộn vải.
	Cải tiến bộ dao bằm & hút biên.	Máy vận hành ổn định, không bị kẹt do phế.
May	Cải tiến quy trình may aquadams.	Vận hành ổn định, đạt năng suất và chất lượng.
	Cải tiến máy may aquadams.	May được nẹp, không đùn, không cần bàn đỡ.
	Cải tiến bộ giá đỡ nẹp viền may bao shopping.	Tăng sản lượng khoảng 10%.
Kho	Sắp xếp, nhận dạng lại kho VTPT.	Tận dụng các vật tư tồn kho lâu ngày.

- **Về hiệu quả kinh doanh:** kết quả lợi nhuận vượt xa so với chỉ tiêu kế hoạch đề ra năm 2017.

II. Tình hình tài chính

1) Tình hình tài sản

□ So Sánh giá trị tài sản và nguồn vốn tại ngày 31/12/2017 và cuối kỳ năm trước. (Bảng 3)

TÀI SẢN	Số dư cuối năm	Số dư đầu năm	So Sánh	% tăng/giảm
A-TÀI SẢN NGẮN HẠN	412.620.711.483	392.268.788.464	20.351.923.019	5,19%
I.Tiền và các khoản tương đương tiền	17.862.092.511	54.995.857.156	-37.133.764.645	-67,52%
II.Các khoản đầu tư ngắn hạn	91.023.691.389	142.744.000.000	-51.720.308.611	-36,23%
III.Các khoản phải thu ngắn hạn	151.434.902.435	104.381.717.434	47.053.185.001	45,08%
IV.Hàng tồn kho	141.870.567.526	81.826.829.529	60.043.737.997	73,38%
V.Tài sản ngắn hạn khác	10.429.457.622	8.320.384.345	2.109.073.277	25,35%
B.TÀI SẢN DÀI HẠN	231.196.924.656	207.554.273.457	23.642.651.199	11,39%
I.Các khoản phải thu dài hạn			-	
II.Tài sản cố định	63.667.065.602	51.998.662.570	11.668.403.032	22,44%
IV.Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	72.710.713.499	54.995.821.949	17.714.891.550	32,21%
V.Tài sản dài hạn khác	94.819.145.555	100.559.788.938	-5.740.643.383	-5,71%
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	643.817.636.139	599.823.061.921	43.994.574.218	7,33%
A.NỢ PHẢI TRẢ	314.321.799.015	284.773.295.980	29.548.503.035	10,38%
I.Nợ ngắn hạn	314.321.799.015	284.773.295.980	29.548.503.035	10,38%
II.Nợ dài hạn	-	-	-	
B.VỐN CHỦ SỞ HỮU	329.495.837.124	315.049.765.941	14.446.071.183	4,59%
I.Vốn chủ sở hữu	329.495.837.124	315.049.765.941	14.446.071.183	4,59%
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	643.817.636.139	599.823.061.921	43.994.574.218	7,33%

- **Tổng giá trị tài sản cuối năm 2017 so với năm 2016 tăng 43.994 triệu đồng, bao gồm:**
 - Tài sản ngắn hạn tăng 20.351 triệu đồng, chủ yếu giảm nguồn tiền vốn lưu động và các khoản đầu tư ngắn hạn 88.853 triệu đồng, tăng dự trữ tồn kho nguyên vật liệu chính 60.043 triệu đồng tương ứng tỷ lệ tăng 73,38% so với năm trước, vì cuối năm 2017 chiều hướng giá nguyên vật liệu tăng mạnh. Đồng thời với chính sách bán hàng với khách hàng mới, sản phẩm mới, làm cho nợ phải thu của năm 2017 so với năm 2016 tăng 47.053 triệu đồng tương ứng tăng 45,08%.
 - Tài sản dài hạn tăng 23.642 triệu đồng là do thanh lý máy cũ, đầu tư mua mới máy móc thiết bị trị giá một triệu đô la mỹ, tương ứng 22 tỷ đồng việt nam, để tăng công suất sản lượng nhà máy.
- **Nguồn vốn và nợ phải trả:**
 Tổng nguồn vốn đến 31/12/2017 là 643 tỷ đồng so với năm 2016 tăng 43.994 triệu tăng 10,38% chủ yếu là đi vay ngắn hạn ngân hàng để thanh toán nguyên liệu nhập khẩu phục vụ cho sản xuất xuất khẩu.

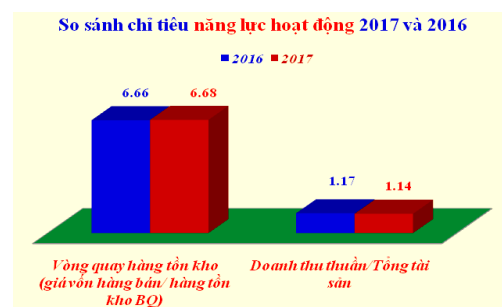
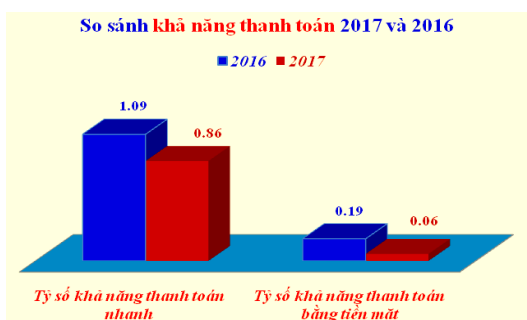
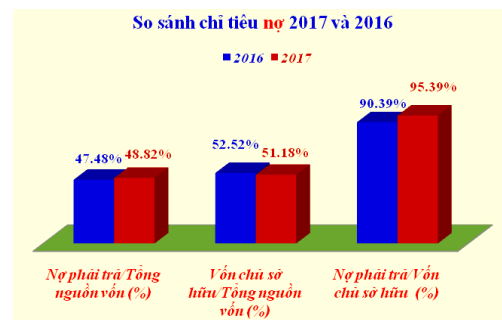
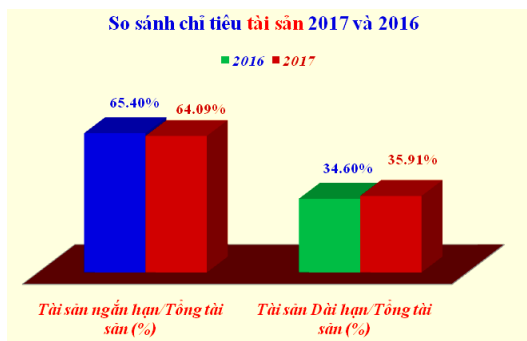
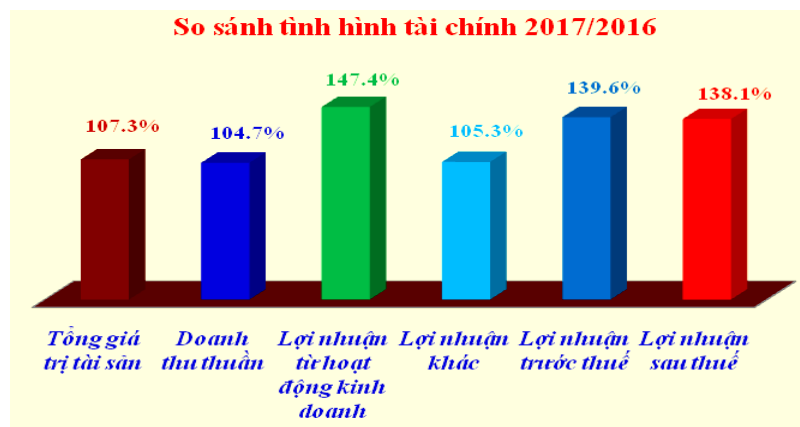
2) So Sánh các chỉ số tài chính năm 2017 và năm 2016 (bảng 4)

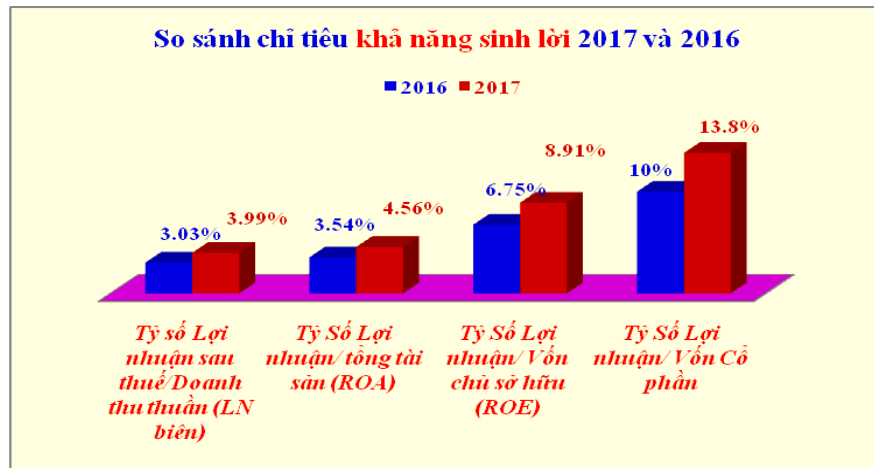
Chỉ tiêu - chỉ số	2016	2017	Ghi chú
Tổng Tài Sản			
▪ Tài sản ngắn hạn/Tổng tài sản (%)	65,40%	64,09%	Giảm
▪ Tài sản Dài hạn/Tổng tài sản (%)	34,60%	35,91%	Tăng
Nợ phải trả			
▪ Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn (%)	47,48%	48,82%	Tăng
▪ Vốn chủ sở hữu/Tổng nguồn vốn (%)	52,52%	51,18%	Giảm
▪ Nợ phải trả/Vốn chủ sở hữu (%)	90,39%	95,39%	Tăng
Tỷ Số Lợi nhuận			
▪ Tỷ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần (LN biên)	3,03%	3,99%	Tăng
▪ Tỷ Số Lợi nhuận/ tổng tài sản (ROA)	3,54%	4,56%	Tăng
▪ Tỷ Số Lợi nhuận/ Vốn chủ sở hữu (ROE)	6,75%	8,91%	Tăng
▪ Tỷ Số Lợi nhuận/ Vốn Cổ phần	10%	13,8%	Tăng

Chỉ tiêu khả năng thanh toán			
▪ Tỷ số khả năng thanh toán nhanh	1.09	0.86	Giảm
▪ Tỷ số khả năng thanh toán bằng tiền mặt	0.19	0.06	Giảm
Chỉ tiêu năng lực hoạt động			
▪ Vòng quay hàng tồn kho (giá vốn hàng bán/ hàng tồn kho BQ)	6.66	6.68	Tăng
▪ Doanh thu thuần/Tổng tài sản	1.17	1.14	Giảm

Tóm lược: trong năm 2017 với tình hình tỷ giá đồng usd với đồng việt nam được ngân hàng nhà nước kiểm soát chặt chẽ, không biến động nhiều như những năm trước, tương ứng giá hạt nhựa nguyên vật liệu so với cùng kỳ năm trước tăng 10,4% , với sự kiểm soát thường xuyên các khoản phải thu, phải trả, kiểm soát cân đối dòng thu dòng chi hợp lý kịp thời ,đã đáp ứng nội lực cho hoạt động sản xuất kinh doanh được hoàn thiện, chú trọng quản lý rủi ro, Công ty Cổ phần Nhựa Tân Đại Hưng đã đạt và hoàn thành vượt các chỉ tiêu kế hoạch, được thể hiện qua các chỉ số tài chính như: tỷ suất lợi nhuận trên các chỉ tiêu Doanh thu tăng 31,86%, Tỷ suất lợi nhuận trên tài sản và trên nguồn vốn đều tăng lần lượt 28,67%, và 32,05%. So với cùng kỳ năm trước.

Các biểu đồ so sánh các chỉ số tài chính giữa năm 2017 với năm 2016:





III. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý trong năm 2017.

1) Về cơ cấu tổ chức

- Sắp xếp lại các công đoạn trong các phân xưởng để phù hợp với qui trình sản xuất sản phẩm, trong đó PX4 chỉ chuyên sản xuất vải aquadams và vải nội địa.
- Sắp xếp & bố trí lại mặt bằng các kho.

2) Về chính sách quản lý

- Tiếp tục cải tiến tiền lương của một số PX sản xuất nhằm kích thích năng suất.
- Triển khai mạnh mẽ các chính sách khen thưởng, bình quân tiền thưởng năm 2017 là 14.658.753 đồng/người, đặc biệt là khen thưởng sáng kiến cải tiến cải tiến máy móc thiết bị và quy trình SX nhằm tăng năng suất, sản lượng, chất lượng (*khen thưởng cho sáng kiến cải tiến năm 2017 tăng 255% so với 2016*).

IV. Ý kiến của Ban Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán:

Nhất trí hoàn toàn với ý kiến của kiểm toán công ty A&C năm 2017 (*trong chứng thư kiểm toán*).

V. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội.

Tóm lược như sau:

1) Về môi trường:

Công ty đã và đang chủ động thực hiện :

- Tiết kiệm điện nước, tăng sử dụng vật liệu tái sinh để giảm chi phí hoạt động và giá thành sản phẩm.
- Thu gom 100% chất thải rắn và không xả thải trực tiếp ra môi trường đúng theo các qui định.
- Được đánh giá tốt sau các lần kiểm tra định kỳ và đột xuất của cơ quan thẩm quyền trong năm 2017.

2) Về người lao động:

- Nguồn nhân lực được xem là tài sản quý của công ty, được công ty tôn trọng ứng xử theo chuẩn mực văn hóa.
- Ban giám đốc đã thực thi đầy đủ các chính sách chăm sóc đãi ngộ chăm lo công ăn việc làm, ổn định và tăng thu nhập đối với cán bộ nhân viên và công nhân, tạo điều kiện để xây dựng quan hệ con người lành mạnh, giao lưu vui chơi văn nghệ thể thao, không xảy ra tranh chấp lao động trong năm 2017.

3) Về trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương:

Trong năm 2017, Ban giám đốc tham dự đầy đủ các cuộc họp theo thư mời của các cấp thẩm quyền, tham gia tất cả các cuộc vận động từ thiện tài trợ của chính quyền địa phương (*trụ sở văn phòng và nhà máy*), nắm vững tình hình và phối hợp thực hiện theo các yêu cầu của địa phương về ANTT, giải quyết việc làm, bảo vệ môi trường.

VI. Kế hoạch phát triển trong năm 2018

1) Những dự báo về môi trường kinh doanh năm 2018

- Kinh tế Mỹ và Châu Âu ổn định với mức tăng trưởng tương đương năm 2017, Fed sẽ tăng lãi suất cơ bản nhưng sẽ có sự kiểm soát chặt chẽ hơn về tiền tệ, quan hệ kinh tế giữa các quốc gia sẽ được điều chỉnh nhiều mặt từ quan điểm “First America” và sau khi “Brexit”. Giá dầu thô tăng, kéo theo giá nguyên liệu tăng nhưng sẽ không hơn 10%.
- Tại Việt Nam, môi trường kinh doanh tiếp tục được cải thiện, mức tăng trưởng kinh tế tương đương năm 2017, lãi suất và tỷ giá ổn định, lạm phát được kiểm soát chặt và kiềm chế để không vượt quá 6%.
- Các chi phí đầu vào của sản xuất đều tăng nhưng ngành nhựa Việt Nam tiếp tục tăng trưởng, cạnh tranh khốc liệt để xuất khẩu và tiêu thụ nội địa tập trung vào các yếu tố giá bán, chất lượng bao bì và thời hạn giao hàng.

2) Định hướng chung năm 2018:

- Xác định và tập trung phát triển các sản phẩm chủ lực có hiệu quả cao, nguồn khách hàng ổn định và đội ngũ nhân sự tâm huyết, củng cố và nâng cao lợi thế cạnh tranh, trở thành doanh nghiệp bao bì có tiềm lực và uy tín nhất Việt Nam.
- Đầu tư thêm máy móc thiết bị mới nhằm tăng năng suất sản lượng & chất lượng sản phẩm.
- Tiếp tục phát huy sáng kiến cải tiến liên tục, trong đó chú trọng cải tiến MMTB thiết bị và quy trình sản xuất sản phẩm, hạn chế tối đa việc sử dụng lao động nhằm tinh gọn bộ máy, giảm chi phí sản xuất tăng sức cạnh tranh đối tất cả các mặt hàng sản xuất.
- Cải tiến hệ thống quản lý chất lượng, đồng thời nâng cao vai trò chủ động của các phân xưởng sản xuất trong việc kiểm soát tình hình chất lượng sản phẩm.
- Nâng cao trình độ chuyên môn và tiếp cận các công nghệ mới để tăng hiệu quả sản xuất và giảm thiểu rủi ro trong kinh doanh.
- Đạt vượt các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh chủ yếu năm 2018, gồm : tổng sản lượng bao bì 13.430 tấn, tổng doanh thu bao bì 622,6 tỷ đồng, lợi nhuận sau thuế 32 tỷ đồng, tỷ lệ phế/tổng sản lượng $\leq 6\%$.

3) Về hoạt động kinh doanh và cung ứng:

- Tiếp tục đẩy mạnh hoạt động tiếp thị tìm kiếm thêm khách hàng mới & tiềm năng, trong đó ưu tiên xuất khẩu vào Mỹ (*vải địa kỹ thuật và aquadams*) và Eurozone. Tăng cường hoạt động chăm sóc khách hàng, chú trọng thu thập và phân tích thông tin về xu hướng thị trường và đối thủ cạnh tranh để có các chính sách thị trường phù hợp và hiệu quả. Tăng thị phần ở những khách hàng cũ với những khách hàng thanh toán tốt & đầy tiềm năng. Linh hoạt trong việc đàm phán về giá (*chính sách giá hợp lý để ưu tiên nhận đơn hàng có số lượng lớn*).
- Phối hợp P.KTTC để thường xuyên theo dõi tình hình công nợ bán hàng, qua đó xác định chiến lược bán hàng đối với từng khách hàng.

4) Về Kỹ thuật Công nghệ và Chất lượng sản phẩm:

- **Công nghệ:**
 - Nghiên cứu triển khai qui trình sản xuất aquadams thành phẩm.
 - Duy trì giám sát công thức và nguyên liệu sử dụng PX kéo sợi, PX tráng ghép.
 - Tiếp tục cải tiến công thức phối trộn để sử dụng hiệu quả cho các đơn
- **Quản lý chất lượng:**
 - Đào tạo QA về nhận thức chất lượng “first in time”, phòng ngừa là chính.
 - Tăng cường các hoạt động giám sát, kiểm tra việc tuân thủ qui định, qui trình đảm bảo chất lượng nội bộ và cung ứng gia công.
 - Dự báo, cảnh báo lỗi chất lượng tiềm ẩn, tham mưu các giải pháp khắc phục phòng ngừa hiệu quả.
 - Giám sát, kiểm tra, đánh giá hiệu quả của hành động khắc phục phòng ngừa tại các bộ phận và đơn vị gia công.
 - Tuân thủ phương pháp lấy mẫu kiểm tra nhằm hạn chế mặt trái của phương pháp kiểm tra xác suất.
- **Kỹ thuật Cơ điện:**
 - Đảm bảo thực hiện bảo trì định kỳ, sửa chữa sự cố thiết bị đạt các yêu cầu.
 - Cải tiến dàn thâu máy kéo sợi S1, S2, S3, S5, S7.
 - Cải tiến vòng lược để tăng công suất các máy dệt quadams.

- Kết hợp PX tránh tìm giải pháp giảm chênh lệch nguyên vật liệu sử dụng so với định lượng chuẩn.
- Tại Công đoạn In: cải tiến cụm quần cuộn để in vải không trắng, khắc phục tình trạng xếp ly vải in; hỗ trợ khắc phục lỗi mực in dính, tróc.
- Tại khâu Lộn bao: đánh hông được vải PP không trắng, khắc phục lỗi xéo chữ.
- Làm hệ thống quần vải aquadams thành phẩm các loại 8f, 10f, 12f, 16f tại khâu may.

5) Về sản xuất và gia công:

- Đảm bảo việc tuân thủ Quy trình sản xuất đã ban hành tại các PX và công đoạn.
- Giải quyết tất cả các sự cố về chất lượng sản phẩm và MMTB trong vòng 24h.
- Thực hiện 5S trong tất cả bộ phận sản xuất.
- Tổ chức thực hiện hiệu quả 07 trọng tâm của BPSX : Kiểm soát sản lượng, trọng lượng và năng suất, đảm bảo lịch giao hàng. (1) Kiểm soát sản lượng, trọng lượng và năng suất, đảm bảo lịch giao hàng. (2) Giảm lỗi và chống sót lỗi. (3) Tiết kiệm giảm chi phí vật tư kỹ thuật. (4) Kiểm soát giảm thời gian ngừng máy. (5) Tiết kiệm điện và nhiên liệu. (6) Giảm phế liệu phế phẩm. (7) Duy trì trật tự vệ sinh, phòng chống côn trùng và tai nạn lao động.
- Tuân thủ qui định báo cáo dữ liệu chính xác, kịp thời và đúng ngày cho BGD & các TBP , các QLPX .
- Thực hiện gia công đảm bảo chỉ tiêu kế hoạch 2018.

6) Về Hành Chính Nhân Sự:

- Tuyển dụng: Tập trung tuyển bổ sung cán bộ quản lý nguồn kế thừa (HCNS, SX, các vị trí kỹ thuật, Tổ trưởng SX giỏi). Tiếp tục cải tiến hoạt động tuyển chọn và sàng lọc trong tuyển dụng nhằm giảm tỷ lệ bỏ việc trong giai đoạn thử việc & đào tạo.
- Đào tạo: Triển khai đầy đủ các chương trình đào tạo định kỳ hàng năm đã được phê duyệt. Đặc biệt chú trọng đào tạo quản lý sản xuất (cấp TTSX, Quản lý Phân xưởng, quản lý kho).
- An toàn lao động và Vệ sinh công nghiệp: Giám sát chặt chẽ công tác đảm bảo An toàn lao động, rà soát các điểm có rủi ro xảy ra TNLD, thực hiện các biện pháp cải tiến máy móc để giảm nguy cơ TNLD, thường xuyên nhắc nhở CB-CNV luôn đề cao cảnh giác để đảm bảo An toàn lao động . Trong đó, trọng tâm là cải tiến MMTB để ngăn ngừa TNLD. Hỗ trợ các PX trong việc tổ chức sàng lọc, sắp xếp mặt bằng tại phân xưởng. Duy trì công tác kiểm tra An toàn -VSCN định kỳ hàng tuần. Nhấn mạnh vai trò của quản lý trực tiếp (Tổ trưởng, QLPX) trong công tác đảm bảo ATLD-VSCN..
- Quản lý hành chính & An ninh trật tự: Duy trì hệ thống giám sát an ninh tại nhà máy, tiếp tục nâng cấp đội ngũ bảo vệ. Duy trì nghiêm công tác tuần tra, kiểm soát của tổ bảo vệ nhằm mục tiêu đảm bảo không xảy ra mất cắp, mất an ninh trật tự tại công ty. Nâng cấp máy quét thẻ theo dõi ra vào cổng, nâng cấp đội bảo vệ, triển khai giám sát trên camera. Xây dựng các tiêu chuẩn về trang phục bảo hộ lao động, tăng cường giám sát & xử lý các trường hợp vi phạm nội quy, quy định Công ty.
- Phối hợp với bộ phận Kỹ thuật và Sản xuất: thực hiện đồng thời các giải pháp, kiểm soát giờ giấc làm việc, cải tiến MMTB, công đoạn sản xuất, sắp xếp phân bổ máy hợp lý nhằm tăng năng suất lao động.

7) Về tài chính kế toán:

- Đảm bảo tình hình Tài chính ổn định và lành mạnh. Quản trị các rủi ro về tỷ giá và giá cả các nguyên vật liệu/phụ liệu đầu vào tạo sự ổn định cho bộ phận sản xuất.
- Thiết lập cơ sở dữ liệu mới trên phần mềm kế toán, kết chuyển số liệu cũ mang sang giúp hệ thống xử lý số liệu nhanh chóng và kịp thời.
- Tiếp tục duy trì việc quản lý các chi phí, chống thất thoát hoặc lãng phí. Đề xuất thanh lý các khoản tồn kho lâu, xử lý các khoản công nợ nhằm góp phần đạt mục tiêu kế hoạch lợi nhuận 2018.
- Hoàn thiện và theo dõi việc tuân thủ quy trình xuất nhập tồn kho, không để xảy ra sai sót.

Ghi chú:

- Báo cáo này được trích một phần trong Báo Cáo Thường Niên năm 2017 của Công ty CP Nhựa Tân Đại Hưng.
- Quý cổ đông có thể xem đầy đủ thông tin trong Báo Cáo Thường Niên năm 2017 đã công bố và lưu trữ tại website của công ty.

TM BAN GIÁM ĐỐC

Tổng Giám đốc

PHẠM ĐỖ ĐIỂM HƯƠNG